

Công ty Cổ phần Mía Đường
Thành Thành Công Tây Ninh
Báo cáo tài chính riêng
quý 4 niên độ 01/07/2014 đến 30/06/2015



Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số 1316/GP ngày 15 tháng 7 năm 1995
Giấy chứng nhận Đầu tư số 451031000014 ngày 23 tháng 3 năm 2007
Giấy phép đầu tư số 1316/GP do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp và có giá trị trong 50 năm.

Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh mười bốn lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy chứng nhận đầu tư số 451031000014 ngày 24 tháng 03 năm 2015. Giấy chứng nhận đầu tư và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư đầu tiên.

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Hồng Dương	Chủ tịch
	Ông Lê Văn Dĩnh	Phó Chủ tịch
	Bà Đặng Huỳnh Úc My	Thành viên
	Ông Võ Tòng Xuân	Thành viên
	Ông Thái Văn Chuyện	Thành viên (đến 17/04/2015)
	Ông Lê Ngọc Thông	Thành viên (từ 17/04/2015)
	Ông Nguyễn Bá Chủ	Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Thanh Ngừ	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Văn Đệ	Phó Tổng Giám đốc thường trực
	Bà Trương Thị Hồng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Quang Hải	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Dương Thị Tô Châu	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Việt Hùng	Giám đốc Nông Nghiệp
	Ông Lê Đức Tồn	Giám Đốc Nhà Máy
	Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên	Giám Đốc Tài Chính
	Ông Trang Thanh Trúc	Giám Đốc Đối Ngoại
Ban Kiểm soát	Bà Lê Hà Mai Thảo	Giám Đốc Nhân Sự
	Bà Nguyễn Thùy Vân	Trưởng Ban Kiểm soát
	Ông Phạm Trung Kiên	Thành viên
	Ông Lê Văn Hòa	Thành viên
Kế Toán Trưởng	Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên	Kế toán trưởng
Trụ sở đăng ký	Xã Tân Hưng Huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh (“Công ty”) theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được lập và trình bày đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này.



Thay mặt Hội đồng Quản trị

Phạm Hồng Dương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2015

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Bảng cân đối kế toán riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015

Mẫu B 01a – DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015 VND	30/06/2014 VND
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.738.155.711.815	2.001.285.227.715
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	05	135.966.594.558	258.582.561.758
Tiền	111		135.966.594.558	258.582.561.758
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	11	7.021.531.368	70.413.530.864
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		8.124.761.428	122.188.965.070
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(1.103.230.060)	(51.775.434.206)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	06	797.769.288.148	1.022.253.075.770
Phải thu khách hàng	131		270.344.579.999	283.177.884.083
Trả trước cho người bán	132		504.472.636.056	610.114.801.259
Các khoản phải thu khác	135		46.239.347.643	160.743.216.447
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(23.287.275.550)	(31.782.826.019)
IV. Hàng tồn kho	140	07	749.235.990.504	617.736.004.027
Hàng tồn kho	141		750.055.482.080	617.978.560.914
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(819.491.576)	(242.556.887)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		48.162.307.237	32.300.055.296
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		33.159.799.557	28.955.488.757
Thuế GTGT được khấu trừ	152	16	743.163.695	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	16	2.101.388.485	1.536.386.539
Tài sản ngắn hạn khác	158		12.157.955.500	1.808.180.000
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		1.592.480.123.079	1.439.386.185.067
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	06	19.015.207.000	34.788.048.229
Phải thu dài hạn khác	218		19.015.207.000	34.788.048.229
II. Tài sản cố định	220		691.850.144.082	600.304.488.586
Tài sản cố định hữu hình	221	08	476.155.185.794	515.883.717.417
Nguyên giá	222		1.747.107.486.692	1.703.505.216.002
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.270.952.300.898)	(1.187.621.498.585)
Tài sản cố định vô hình	227	09	46.772.663.933	40.836.847.665
Nguyên giá	228		58.432.128.391	51.108.741.971
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.659.464.458)	(10.271.894.306)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	10	168.922.294.355	43.583.923.504
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	841.137.728.936	777.880.333.939
Đầu tư vào công ty con	251		189.000.000.000	-
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		557.902.848.539	721.212.839.523
Đầu tư dài hạn khác	258		94.437.115.484	75.685.862.384
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(202.235.087)	(19.018.367.968)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		40.477.043.061	26.413.314.313
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	40.460.443.061	25.398.671.617
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	-	1.014.642.696
Tài sản dài hạn khác	268		16.600.000	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.330.635.834.894	3.440.671.412.782

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Bảng cân đối kế toán riêng- quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015
(tiếp theo)

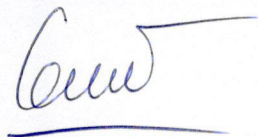
Mẫu B 01a – DN

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015 VND	30/06/2014 VND
I	2	3	4	5
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.375.533.913.030	1.644.050.764.039
I. Nợ ngắn hạn	310		866.921.584.030	1.564.580.556.039
Vay ngắn hạn	311	14	667.877.287.507	1.403.047.758.331
Phải trả người bán	312		82.665.635.893	70.009.425.207
Người mua trả tiền trước	313	15	81.251.627.841	48.363.947.151
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	18.410.994	4.388.001.365
Phải trả người lao động	315		4.031.410.380	2.205.023.120
Chi phí phải trả	316	17	10.819.139.091	10.146.426.957
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	18	7.071.672.325	4.069.856.415
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	19	13.186.399.999	22.350.117.493
II. Vay dài hạn	330		508.612.329.000	79.470.208.000
Vay dài hạn	334	20	508.612.329.000	79.470.208.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.955.101.921.864	1.796.620.648.743
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	1.955.101.921.864	1.796.620.648.743
Vốn cổ phần	411	22	1.485.000.000.000	1.485.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		14.732.000.010	14.732.000.010
Cổ phiếu quỹ	414	22	(61.577.199.043)	(61.577.199.043)
Quỹ đầu tư phát triển	417	24	125.609.421.786	120.999.110.932
Quỹ dự phòng tài chính	418	24	101.816.231.999	99.511.076.572
Lợi nhuận chưa phân phối	420		289.521.467.112	137.955.660.272
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.330.635.834.894	3.440.671.412.782

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Thuyết minh	30/06/2015 VND	30/06/2014 VND
Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công (Tấn)		3.185	1.617
Nợ khó đòi đã xử lý		16.244.589.615	9.155.696.273
Ngoại tệ các loại (USD)		2.669	2.785

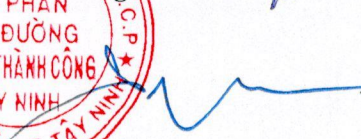
Kế Toán Trưởng



Lê Phát Tín



Người duyệt
Tông Giám Đốc


Nguyễn Thanh Ngữ

Ngày 12 tháng 08 năm 2015

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Báo cáo kết quả kinh doanh riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015

Mẫu B 02a – DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 01/04 đến 30/06		Giai đoạn từ 01/07 đến 30/06	
			Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	552.490.058.048	552.073.225.548	2.071.667.869.305	2.314.289.298.161
2. Các khoản giảm trừ	03	25	(1.088.716.914)	(571.999.304)	(4.767.867.003)	(2.991.700.615)
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01- 03)	10	25	551.401.341.134	551.501.226.244	2.066.900.002.302	2.311.297.597.546
4. Giá vốn hàng bán	11	26	(463.632.223.613)	(494.318.421.145)	(1.808.239.601.251)	(2.047.783.940.720)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 -11)	20		87.769.117.521	57.182.805.099	258.660.401.051	263.513.656.826
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	10.107.474.648	38.680.324.662	86.347.371.056	146.069.742.349
7. Chi phí tài chính	22	30	(25.145.072.429)	(30.278.484.723)	(38.878.811.338)	(54.891.209.895)
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		(16.691.696.593)	(24.991.316.819)	(80.244.824.475)	(94.558.895.400)
8. Chi phí bán hàng	24	27	(21.441.475.522)	(18.008.143.370)	(68.364.786.581)	(57.478.652.871)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	28	(17.448.359.201)	(14.732.045.606)	(65.532.255.320)	(61.250.090.872)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		33.841.685.017	32.844.456.062	172.231.918.868	235.963.445.537
11. Thu nhập khác	31		2.412.253.346	4.102.158.404	16.954.015.133	9.610.839.228
12. Chi phí khác	32		(234.385.921)	(3.817.059.312)	(8.811.277.362)	(4.891.461.665)
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		2.177.867.425	285.099.092	8.142.737.771	4.719.377.563
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		36.019.552.442	33.129.555.154	180.374.656.639	240.682.823.100
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	(3.354.259.029)	(13.496.799.746)	(16.523.949.788)	(42.967.649.896)
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	31	298.602.082	(2.910.714.322)	(1.014.642.696)	(1.591.487.254)
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		32.963.895.495	16.722.041.086	162.836.064.155	196.123.685.950
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	154	117	1.059	1.367

Kế Toán Trưởng

(Chữ ký)

Lê Phát Tín



Người duyệt
Tổng Giám Đốc

(Chữ ký)
 Nguyễn Thanh Ngừ

Ngày 12 tháng 08 năm 2015

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN

	Mã số	Từ 01/04/2015 đến 30/06/2015	Từ 1/4/2014 đến 30/06/2014
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	1	36.019.552.442	37.444.715.673
Điều chỉnh cho các khoản			-
Khấu hao và phân bổ	2	22.414.107.978	21.563.770.247
Các khoản dự phòng	3	(6.990.046.916)	718.887.169
Xóa sổ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5	-	-
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	5	(194.840.978)	1.308.753.267
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư cổ phiếu	5	10.254.896.731	-
Lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản vay cấp cho công ty liên quan	5	(3.298.697.930)	(27.216.565.384)
Lãi từ khoản trả trước cho nông dân trồng mía	5	(6.541.430.055)	(9.957.312.321)
Thu nhập cổ tức	5	-	(1.389.302.000)
Chi phí lãi vay	6	16.691.696.593	24.991.316.819
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	8	68.355.237.865	47.464.263.470
Biến động các khoản phải thu	9	(42.461.874.201)	69.883.630.189
Biến động hàng tồn kho	10	304.549.364.045	385.195.317.140
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(83.028.198.963)	(255.539.507.051)
Biến động chi phí trả trước	12	(52.155.487.140)	(35.426.298.014)
		195.259.041.606	211.577.405.734
Tiền lãi vay đã trả	13	(14.599.351.976)	(42.462.612.559)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.088.951.734)	(476.845.249)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	15	(3.384.678.778)	(5.893.976.086)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	174.186.059.118	162.743.971.840

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015
(Phương pháp gián tiếp-tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

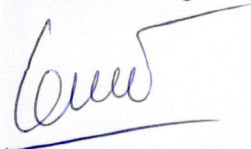
	Mã số	Từ 01/04/2015 đến 30/06/2015	Từ 1/4/2014 đến 30/06/2014
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(85.801.505.497)	(5.810.827.473)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	279.999.700	2.445.454.545
Tiền chi các khoản vay cho các bên liên quan và đơn vị khác	23	(70.000.000.000)	-
Tiền thu từ bán các khoản đầu tư vào công ty liên kết và chứng khoán	24	51.539.769.250	-
Tiền thu từ các khoản vay cho các bên liên quan khác	24	70.000.000.000	309.925.000.000
Tiền thu đầu tư dài hạn khác	24	-	76.149.820
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác & chứng khoán	25	(15.240.170.016)	(25.200.000.000)
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27	46.307.505.282	24.780.571.710
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(2.914.401.281)	306.216.348.602
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành vốn cổ phần	31	-	-
Tiền thu từ phát hành lại cổ phiếu quỹ	31	-	-
Tiền chi mua cổ phiếu quỹ	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	1.141.779.416.992	551.237.595.787
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.431.931.957.194)	(757.167.828.913)
Tiền chi trả cổ tức	36	(6.175.000)	(71.232.890.450)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(290.158.715.202)	(277.163.123.576)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(118.887.057.365)	191.797.196.866
Tiền đầu năm	60	254.853.651.923	66.785.364.892
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	135.966.594.558	258.582.561.758

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng- quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

Kế Toán Trưởng

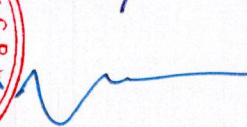


Lê Phát Tín



Người duyệt

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Thanh Ngử

Ngày 12 tháng 08 năm 2015

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng- quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015

Mẫu B 09a - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh (trước đây là Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất đường và điện; trồng cây mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc sử dụng phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất, kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp; xây dựng các công trình dân dụng; kinh doanh khách sạn, nhà hàng; xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; gia công cơ khí; tư vấn kỹ thuật, công nghệ và quản lý trong ngành sản xuất mía đường; sản xuất, kinh doanh cồn và các sản phẩm phụ sau cồn; kinh doanh bất động sản, cho thuê căn hộ, văn phòng, nhà ở và các hoạt động đầu tư.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 27/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 2 năm 2008.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam và văn phòng đại diện tại Lầu 1, Số 62 Đường Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Công ty có 676 nhân viên, trong đó số lượng nhân viên thời vụ là 188 nhân viên (ngày 30 tháng 06 năm 2014: 508 nhân viên, trong đó số lượng nhân viên thời vụ là 5 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính này là báo cáo tài chính riêng của Công ty và chưa hợp nhất với báo cáo tài chính của công ty con. Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn, nếu có, trong báo cáo tài chính. Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất trong đó báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Công ty. Báo cáo tài chính hợp nhất được phát hành riêng biệt.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Năm 2013 trở về trước, kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Từ năm 2014, căn cứ theo nghị quyết số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2014, Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 của năm liền kề.

Theo đó:

Năm tài khóa áp dụng niên độ mới thì ngày bắt đầu là ngày 01 tháng 07 năm này và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm liền kề.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND").

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư, nếu cần thiết, trong báo cáo tài chính này. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ theo hướng dẫn của Thông tư 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được ghi nhận là chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Phần lợi nhuận được phân phối từ kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty nhận đầu tư phát sinh sau ngày Công ty mua lại được ghi nhận như khoản thu nhập trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Phần lợi nhuận phân phối từ các nguồn không phải là kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh sau ngày được Công ty mua lại được xem như là khoản thu hồi đầu tư và được giảm trừ vào nguyên giá của khoản đầu tư.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Trả trước cho người bán

Bao gồm trong khoản trả trước cho người bán là khoản trả trước cho nông dân để trồng mía được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn được lập theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 30 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ khác	4 – 15 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm công cụ, dụng cụ, chi phí nâng cấp và cải tạo và được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng chi phí hoạt động cố định

Dự phòng chi phí hoạt động cố định liên quan đến các chi phí ước tính có thể phát sinh trong giai đoạn không sản xuất theo mùa vụ. Các khoản dự phòng được ước tính dựa trên kinh nghiệm, các sự kiện và các đánh giá hợp lý của Ban Giám đốc. Theo đó, các thông tin và sự kiện được dùng để ước tính các khoản dự phòng có thể thay đổi trong các giai đoạn tiếp theo và do đó kết quả xảy ra có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với các đánh giá đã được trình bày trong các báo cáo định kỳ.

(m) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Việc phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi được căn cứ theo nghị quyết của các cổ đông. Quỹ này chỉ được sử dụng để chi trả thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(n) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và phạm vi rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu nhằm mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được phản ánh là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử

dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

(ii) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Việc phân phối vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được căn cứ theo quyết định của các cổ đông tại Đại hội Cổ đông hàng năm.

(q) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Điện

Doanh thu được ghi nhận dựa trên khối lượng điện đã cung cấp và giá bán đã thỏa thuận với người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có sự không chắc chắn trọng yếu đối với việc thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập.

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(v) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm các cổ đông, công ty mẹ cấp cao nhất, các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

4. Báo cáo bộ phận

Công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ liên quan và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/15	30/06/14
	VND	VND
Tiền mặt	1.021.327.394	1.630.674.379
Tiền gửi ngân hàng	134.945.267.164	256.951.887.379
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	135.966.594.558	258.582.561.758

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

6. Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn

Trả trước ngắn hạn bao gồm:

	30/06/15	30/06/14
	VND	VND
Ứng trước ngắn hạn cho nông dân trồng mía	291.402.571.632	405.624.797.402
Trả trước ngắn hạn cho người bán	213.070.064.424	204.490.003.857
	504.472.636.056	610.114.801.259

Khoản ứng trước cho nông dân trồng mía được bảo đảm một phần bởi quyền sử dụng đất của nông dân và hưởng lãi suất năm dao động từ 8% đến 13% trong kỳ. Các khoản ứng trước được thu hồi tối đa trong vòng 3 năm kể từ ngày của từng đợt giải ngân.

Phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/06/15	30/06/14
	VND	VND
Lãi phải thu từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thành	72.453.646	102.583.598.641
Lãi phải thu từ nông dân trồng mía	40.022.448.427	48.850.972.567
Lãi phải thu từ các khoản vay cấp cho Công ty Cổ Phần KCN Thành Thành Công , một công ty liên kết	-	6.787.840.584
Lãi phải thu từ Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	271.244.461	-
Phải thu khác	5.873.201.109	2.520.804.655
	46.239.347.643	160.743.216.447

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Phải thu dài hạn khác bao gồm:

	30/06/15	30/06/14
	VND	VND
Trả trước dài hạn cho nông dân trồng mía	6.307.782.000	21.363.986.000
Phải thu dự án Svayrieng_Campuchia (*)	12.707.425.000	13.424.062.229
	19.015.207.000	34.788.048.229

(*): Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh giữa Công ty và Công ty TNHH Svayrieng, để phát triển dự án trồng mía ở Cam Pu Chia trong mười năm. Công ty sở hữu 85% lợi ích được chia từ dự án này.

7. Hàng tồn kho

	30/06/15	30/06/14
	VND	VND
Nguyên vật liệu	33.796.888.944	96.273.123.996
Công cụ và dụng cụ	771.473.815	160.652.368
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	25.479.310.297	13.829.296.766
Thành phẩm	658.135.893.261	492.251.092.712
Hàng hóa	30.434.144.508	12.485.237
Hàng gửi đi bán	1.437.771.255	15.451.909.835
	750.055.482.080	617.978.560.914
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(819.491.576)	(242.556.887)
	749.235.990.504	617.736.004.027

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ đối với hàng chậm luân chuyển tăng lên thành 819 triệu.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng- quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

8. Tài sản cố định hữu hình:

	Nhà cửa	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu niên độ	282.064.393.766	1.336.677.203.750	21.332.977.284	5.025.310.672	58.405.330.530	1.703.505.216.002
Tăng trong niên độ	2.010.829.345	45.343.162.937	5.856.790.001	1.040.796.900	-	54.251.579.183
Thanh lý	-	(8.284.316.654)	(2.364.991.839)	-	-	(10.649.308.493)
Số dư cuối kỳ	284.075.223.111	1.373.736.050.033	24.824.775.446	6.066.107.572	58.405.330.530	1.747.107.486.692
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu niên độ	150.886.142.039	962.849.612.830	11.291.648.322	4.243.351.629	58.350.743.765	1.187.621.498.585
Khấu hao trong niên độ	10.129.543.580	73.864.171.710	822.946.954	369.116.959	26.533.360	85.212.312.563
Thanh lý	-	(1.491.040.522)	(390.469.728)	-	-	(1.881.510.250)
Số dư cuối kỳ	161.015.685.619	1.035.222.744.018	11.724.125.548	4.612.468.588	58.377.277.125	1.270.952.300.898
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	131.178.251.727	373.827.590.920	10.041.328.962	781.959.043	54.586.765	515.883.717.417
Số dư cuối kỳ	123.059.537.492	338.513.306.015	13.100.649.898	1.453.638.984	28.053.405	476.155.185.794

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 có các tài sản với nguyên giá 227.871 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang sử dụng (ngày 30 tháng 06 năm 2014: 227.518 triệu VND).

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu niên độ	47.483.754.819	3.624.987.152	51.108.741.971
Tăng trong niên độ	-	7.323.386.420	7.323.386.420
Số dư cuối kỳ	47.483.754.819	10.948.373.572	58.432.128.391
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu niên độ	7.170.349.887	3.101.544.419	10.271.894.306
Khấu hao trong niên độ	1.047.782.278	339.787.874	1.387.570.152
Thanh lý	-	-	-
Số dư cuối kỳ	8.218.132.165	3.441.332.293	11.659.464.458
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	40.313.404.932	523.442.733	40.836.847.665
Số dư cuối kỳ	39.265.622.654	7.507.041.279	46.772.663.933

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 có các tài sản với nguyên giá 4.361 triệu VND đã được khấu hao hết (ngày 30 tháng 06 năm 2014: 4.360 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn 30/06/15 VND	Giai đoạn 30/06/14 VND
Số dư đầu năm	43.583.923.504	59.319.464.393
Tăng trong kỳ	207.436.510.240	16.551.693.780
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(61.574.965.601)	(20.822.488.864)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(602.442.524)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(20.523.173.788)	(10.050.165.628)
Xóa sổ	-	(812.137.653)
Số dư cuối kỳ	168.922.294.355	43.583.923.504

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng- quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

11. Các khoản đầu tư

	30/06/15				30/06/14			
	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND
Đầu tư vốn dài hạn vào công ty con								
• Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Cồn Thành Thành Công (i)	18.900.000	90,00%	90,00%	189.000.000.000	-	-	-	-
Đầu tư vốn dài hạn vào công ty liên kết:								
• Cty CP Khu công nghiệp Thành Thành Công (ii)	-	49,45%	49,45%	245.000.000.000	24.500.000	49,45%	49,45%	245.000.000.000
• Cty CP Đường Biên Hòa (iii)	14.938.616	23,71%	23,71%	212.437.661.139	13.630.296	21,64%	21,64%	197.682.217.123
• Cty CP Mía đường La Ngà (iv)	-	0,00%	0,00%	0	2.040.802	24,89%	24,89%	61.224.060.000
• Cty CP Đường Nước Trong (v)	1.389.302	23,95%	23,95%	53.765.987.400	1.389.302	23,95%	23,95%	53.765.987.400
• Cty CP Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh (vi)	3.157.920	26,32%	26,32%	31.579.200.000	3.157.920	26,32%	26,32%	31.579.200.000
• Cty CP NC & UD mía đường TTC (vii)	1.440.000	48,00%	48,00%	15.120.000.000	720.000	24,00%	24,00%	7.200.000.000
• Cty CP Mía đường nhiệt điện Gia Lai (viii)	-	0,00%	0,00%	-	9.240.000	23,69%	23,69%	124.761.375.000
				557.902.848.539				721.212.839.523
Đầu tư dài hạn khác:								
• Đầu tư vào công ty khác				93.667.053.100				74.915.050.000
• Đầu tư dài hạn khác				770.062.384				770.812.384
				94.437.115.484				75.685.862.384
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn				(202.235.087)				(19.018.367.968)
				841.137.728.936				777.880.333.939

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

	30/06/15	30/06/14
	VND	VND
(b) Đầu tư ngắn hạn		
• Khoản vay cấp cho một công ty liên kết, Công ty Cổ phần KCN Thành Thành Công (ix)		- 122.188.965.070
• Đầu tư cổ phiếu khác	8.124.761.428	
• Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(1.103.230.060)	(51.775.434.206)

Số dư cuối kỳ	<u>7.021.531.368</u>	<u>70.413.530.864</u>
----------------------	-----------------------------	------------------------------

- (i) Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Cồn Thành Thành Công ("TTCE") được thành lập tại Việt Nam theo giấy phép Kinh doanh số 3901183393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 28 tháng 03 năm 2014. Trụ sở chính của TTCE đặt tại Ấp Tân Lợi, Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất cồn và các sản phẩm liên quan (bán sỉ); sản xuất và kinh doanh điện; sản xuất phân bón và trồng mía.
- (ii) Công ty Cổ phần Khu Công Nghiệp Thành Thành Công (Trước đây là Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa) ("TTCIZ") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 3900471864 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2008. Trụ sở chính của TTCIZ đặt tại Thôn An Hội, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động của Công ty là xây dựng cơ sở hạ tầng và cho thuê khu công nghiệp.
- (iii) Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa ("Đường Biên Hòa") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 450300000501 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 13 tháng 6 năm 2001. Trụ sở chính của Đường Biên Hòa đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Phường An Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mía đường, các sản phẩm có sử dụng đường và sản phẩm sản xuất từ phụ phẩm, phế phẩm của ngành mía đường; mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành mía đường; sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt các thiết bị ngành mía đường; cho thuê kho bãi; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; mua bán, đại lý, ký gửi hàng nông sản, thực phẩm công nghệ, nguyên liệu, vật liệu ngành mía đường; dịch vụ vận tải; dịch vụ ăn uống; sản xuất và mua bán sản phẩm rượu các loại; sản xuất và mua bán cồn; kinh doanh bất động sản và dịch vụ canh tác cơ giới nông nghiệp. Trong kỳ công ty đã mua thêm 1.308.320 năng tỷ lệ nắm giữ lên 23.71%.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

- (iv) Công ty Cổ phần Mía Đường La Ngà ("Đường La Ngà") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 4703000006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 23 tháng 3 năm 2000. Trụ sở chính của Đường La Ngà đặt tại Km 35, Cao tốc 20, Xã La Ngà, Huyện Định Quán, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất đường, bánh kẹo, cồn, rượu; chế biến các sản phẩm sau đường, đồ uống có cồn và không có cồn, đồ uống lạnh; chế biến các sản phẩm nông nghiệp và lâm nghiệp; sản xuất phân bón hữu cơ tổng hợp; chế biến thức ăn gia súc; trồng trọt và chăn nuôi gia súc; xây dựng các công trình công cộng, công nghiệp, giao thông và thủy lợi; sản xuất và cung cấp giống cây; sản xuất nước sạch, điện; trong kỳ công ty đã bán hết cổ phần Đường La Ngà.
- (v) Công ty Cổ phần Đường Nước Trong ("Đường Nước Trong") được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 299/QĐ-CT do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 7 tháng 4 năm 2005. Trụ sở chính của Đường Nước Trong đặt tại Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất sản xuất đường; trồng mía, lúa mì, cao su và các loại cây lâm sản; chế biến hàng nông sản, thực phẩm, chế biến đồ uống có cồn; gia công, chế tạo và lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp thực phẩm; kinh doanh xuất nhập khẩu tổng hợp.
- (vi) Công ty cổ phần công nghiệp hoá chất Tây Ninh ("Tanichem"). Giấy chứng nhận đầu tư số 45121000238 của Tanichem được cấp ngày 18 tháng 08 năm 2010, trụ sở chính tại Cụm Công Nghiệp Tân hội, ấp Hội An, xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh. Sản phẩm chính của công ty là các sản phẩm tinh bột, nước uống không cồn, nước khoáng, phân bón, hợp chất nito, thoát nước, xử lý nước, nông lâm sản, nguyên liệu, ...
- (vii) Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công ("Mía Đường Thành Thành Công") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 3901162964 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21 tháng 3 năm 2013. Trụ sở chính của Mía Đường Thành Thành Công đặt tại số 99, Ấp Bình Hòa, Xã Thái Bình, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là nghiên cứu và lai tạo mía giống; phân tích đất, kỹ thuật canh tác và thuốc bảo vệ thực vật; chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía. Trong kỳ công ty đã mua thêm 720.000 cổ phiếu, nâng tỷ lệ nắm giữ lên 48%.
- (viii) Công ty Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai ("Đường Gia Lai") được thành lập theo giấy phép đầu tư số 1950/GP ngày 18/7/1997 của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Gia Lai cấp. Trụ sở chính đặt tại 561 Trần Hưng Đạo, Thị xã Ayunpa, Tỉnh Gia Lai. Hoạt động chính của công ty là sản phẩm sau đường: mật ri, bánh kẹo, đồ uống; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Sản xuất phân bón; Trồng và đầu tư mía giống, mía nguyên liệu; Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai; Sản xuất cồn thực phẩm; Tư vấn, thiết kế kỹ thuật công nghệ lập dự án và quản lý sản xuất liên quan đến ngành đường và cồn thực phẩm; Chung, tình cất, pha chế các loại rượu mạnh; Đầu tư tài chính. Trong kỳ, công ty Đường Gia Lai đã thay đổi giấy chứng nhận đầu tư lần thứ 9 nâng vốn điều lệ lên 389.998.760.000đ. Trong kỳ Công ty đã bán toàn bộ 9.240.000 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(ix) Các khoản vay cấp cho công ty Khu Công Nghiệp Thành Thành Công, một công ty liên kết không được bảo đảm và có lãi suất năm dao động từ 12% đến 15,5%. Trong kỳ Công ty đã thanh toán toàn bộ nợ gốc vay và lãi trong giai đoạn từ 01 tháng 07 đến 30 tháng 06 năm 2015.

Đầu tư dài hạn bao gồm:

	30/06/15		30/06/14	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
• Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa	5.993.204	74.915.050.000	5.993.204	74.915.050.000
• CTCP Mía đường Cần Thơ	840.897	18.752.003.100	-	-
• Đầu tư dài hạn khác		770.062.384		770.812.384
Số dư cuối kỳ	6.834.101	94.437.115.484	5.993.204	75.685.862.384

Biến động đầu tư ngắn hạn và dài hạn trong kỳ như sau:

	Ngắn hạn		Dài hạn	
	30/06/15	30/06/14	30/06/15	30/06/14
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	122.188.965.070	171.464.251.319	796.898.701.907	771.774.851.727
Tăng đầu tư trong kỳ	127.958.510.596	10.724.713.751	230.427.447.116	25.200.000.000
Thanh lý	(3.062.136.769)		(185.985.435.000)	
Thu hồi các khoản đầu tư trong kỳ	(238.960.577.469)	(60.000.000.000)	(750.000)	(76.149.820)
Số dư cuối kỳ	8.124.761.428	122.188.965.070	841.339.964.023	796.898.701.907

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư trong kỳ như sau:

	Ngắn hạn		Dài hạn	
	30/06/15	30/06/14	30/06/15	30/06/14
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	51.775.434.206	52.922.390.277	19.018.367.968	23.209.277.533
Trích lập trong kỳ	1.103.230.060	-	546.962.962	-
Hoàn nhập trong kỳ	(51.775.434.206)	(1.146.956.071)	(19.363.095.843)	(4.190.909.565)
Số dư cuối kỳ	1.103.230.060	51.775.434.206	202.235.087	19.018.367.968

12. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/15	30/06/14
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	25.398.671.617	1.553.111.727
Tăng trong kỳ	20.721.388.356	26.724.626.440
Chuyển từ CP XD CB qua	130.640.000	602.442.524
Phân bổ trong kỳ	(5.790.256.912)	(3.481.509.074)
Số dư cuối kỳ	40.460.443.061	25.398.671.617

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ chi phí phải trả.

14. Vay ngắn hạn

	30/06/15	30/06/14
	VND	VND
Vay ngắn hạn	555.558.945.507	1.355.634.416.331
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 20)	112.318.342.000	47.413.342.000
Số dư cuối kỳ	667.877.287.507	1.403.047.758.331

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Vay ngắn hạn:	Tiền tệ	Lãi suất năm	30/06/15 VND	30/06/14 VND
• Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (i)	VND	4.50%		115.700.000.000
• Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (ii)	VND	5.5% - 7.0%		241.900.000.000
• Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) (iii)	VND	5.5% - 6.3%	12.475.466.047	210.261.706.000
• Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam-CN Tây Ninh (iv)	VND	5.25% - 7.0%	152.224.575.252	118.187.023.200
• NH Công Thương TN (v.a)	VND	4.0% - 6.0%		80.954.744.359
• Ngân hàng Công thương_CN1 (v.b)	VND	3.0% - 6.0%		146.868.888.762
• Ngân hàng TNHH TM Chinatrust (Việt Nam) (vi)	VND	5.3% - 6.55%	78.000.000.000	60.000.000.000
• Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam (vii)	VND	5.3% - 6.37%	60.000.000.000	59.599.731.492
• Ngân hàng TMCP Quân đội-CN Đông Sài Gòn (viii)	VND	5.3% - 6.6%	99.978.904.000	94.200.000.000
• Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (ix)	VND	4.0% - 4.5%		89.432.352.000
• Ngân hàng Natixis – CN Hồ Chí Minh (x)	VND	6.0% - 6.5%		62.976.000.000
• Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam (xi)	VND	6.49% - 6.61%		57.533.970.518
• Ngân hàng ACB Tân Thuận_TKTT (xii)	VND	5.5%		-
• Ngân hàng HSBC Hongkong (xiii)	VND	5.28%	152.880.000.000	
• Khoản vay không đảm bảo từ các nhân viên	VND	8.5%		18.020.000.000

555.558.945.507	1.355.634.416.331
------------------------	--------------------------

- (i) Khoản vay này đã được tất nợ và thanh lý hợp đồng.
- (ii) Khoản vay này đã được tất nợ và thanh lý hợp đồng.
- (iii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 15 triệu USD (30/06/2014: 15 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu và hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 với giá trị ghi sổ lần lượt là 11,25 triệu USD và 11,25 triệu USD.
- (iv) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 160 tỷ VND (30/06/2014: 200 tỷ VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 với giá trị ghi sổ lần lượt là 150 tỷ VND và 50 tỷ VND.
- (v) (v.a) và (v.b) Khoản vay này đã được tất nợ và thanh lý hợp đồng.
- (vi) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 3,6 triệu USD (30/06/2014: 3,6 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 với giá trị ghi sổ là 3,6 triệu USD.
- (vii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 60 tỷ VND (30/06/2014: 60 tỷ VND). Khoản vay này không được đảm bảo.
- (viii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND (30/06/2014: 100 tỷ VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 với giá trị ghi sổ là 143,75 tỷ VND.
- (ix) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 120 tỷ VND (30/06/2014: 100 tỷ VND). Khoản vay này không được đảm bảo.
- (x) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 5 triệu USD (30/06/2014: 3 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 với giá trị ghi sổ lần lượt là 3 triệu USD và 2,5 triệu USD.
- (xi) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 60 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 với giá trị ghi sổ là 86 tỷ VND.
- (xii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 50 tỷ VND (30/06/2014: 0 VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 với giá trị ghi sổ là 75 tỷ VND.
- (xiii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 7 triệu USD (30/06/2014: 0 USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng 32 ha quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh và dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất đường với giá trị thể chấp lần lượt là 12.400.000 USD và 46.731.000 USD.
- (xiv) Khoản vay không bảo đảm từ nhân viên đã được tất nợ và thanh lý hợp đồng.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

15. Người mua trả tiền trước

	30/06/15	30/06/14
	VND	VND
Tạm ứng từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương	66.731.910.000	45.695.210.000
Tạm ứng từ Công ty Cổ phần Đầu Tư Thành		
Thành Công	298.060.000	-
Tạm ứng từ Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa,		
một công ty liên quan để mua dịch vụ	1.214.000.000	1.214.000.000
Tạm ứng từ Công ty Cổ phần Thương Mại Thành		
Thành Công, một công ty liên quan để mua dịch vụ	19.008.200	120.400.000
Người mua trả tiền trước	12.988.649.641	1.334.337.151
	81.251.627.841	48.363.947.151

Khoản tạm ứng từ công ty liên quan không được đảm bảo và không chịu lãi.

- (*) Đây là khoản tạm ứng bằng tiền mặt theo Hợp đồng Chuyển nhượng Bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2011 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín. Theo hợp đồng này, Công ty đồng ý chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuê và công trình xây dựng trong Dự án Espace Bourbon Tây Ninh tại số 217-219, Đường 30-4, Phường 2, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/15	30/06/14
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	(743.163.695)	3.433.329.945
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	(2.101.388.485)	(1.536.386.539)
Thuế thu nhập cá nhân	18.410.994	954.671.420
	(2.826.141.186)	2.851.614.826

17. Chi phí phải trả

	30/06/15	30/06/14
	VND	VND
Phí vận chuyển và bốc dỡ	5.260.591.500	5.055.191.305
Chi phí lãi vay	2.537.822.410	2.699.097.912
Phép năm không sử dụng	435.336.620	574.018.820
Trích trước chi phí chiết khấu	399.307.447	
Chi phí khác	2.186.081.114	1.818.118.920
	10.819.139.091	10.146.426.957

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

18. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/06/15	30/06/14
	VND	VND
Chi phí vận chuyển và thu hoạch mía phải trả	2.065.382.149	1.576.076.357
Phải trả cho Công ty TNHH MTV Mía Đường Tây Ninh	1.200.000.000	1.200.000.000
Cổ tức phải trả	441.188.085	408.948.935
Khác	3.365.102.091	884.831.123
	7.071.672.325	4.069.856.415

19. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	30/06/15	30/06/14
	VND	VND
Số dư đầu năm	22.350.117.493	16.447.220.705
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối	3.688.248.683	19.120.533.359
Sử dụng quỹ	(12.851.966.177)	(13.217.636.571)
Số dư cuối kỳ	13.186.399.999	22.350.117.493

20. Vay dài hạn

	30/06/15	30/06/14
	VND	VND
Vay dài hạn	620.930.671.000	126.883.550.000
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 14)	(112.318.342.000)	(47.413.342.000)
	508.612.329.000	79.470.208.000

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Tiền tệ	Lãi suất	Năm đáo hạn	30/06/15 VND	30/06/14 VND
Vay dài hạn không được đảm bảo:					
Công ty TNHH MTV					
Mía Đường Tây Ninh (i)	VND	4.62%	2020	11.931.708.000	14.318.050.000
Vay dài hạn được đảm bảo:					
Quỹ đầu tư phát triển Tây					
Ninh (ii)	VND	9.6%	2016	-	7.383.000.000
Ngân hàng ACB-Tân					
Thuận (iii)	VND	9.5% - 10.5%	2016		105.182.500.000
Ngân hàng ACB-Tân					
Thuận (iv)	VND	7.5%	2022	61.014.963.000	
Ngân hàng công thương					
Tây Ninh (v)	VND	0.0%	2017	434.000.000	-
Ngân hàng công thương					
Tây Ninh (vi)	VND	0.0%	2018	1.550.000.000	
Ngân hàng HSBC					
HONG KONG (vii)	USD			546.000.000.000	
				620.930.671.000	126.883.550.000

- (i) Khoản vay này không được đảm bảo và có hạn mức tối đa là 36 tỷ VND (30/06/2014: 36 tỷ VND). Số dư 11.931.708.000 VND của khoản vay gốc tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 được hoàn trả trong 10 kỳ sáu tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 1,193 tỷ VND. Kỳ hoàn trả cuối cùng là vào ngày 10 tháng 4 năm 2020.
- (ii) Khoản vay này đã được tắt nợ và thanh lý hợp đồng.
- (iii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 120 tỷ VND (30/06/2014: 120 tỷ VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng 12.630.296 cổ phiếu của Công ty cổ phần Đường Biên Hòa với giá trị thể chấp là 151,5 tỷ VND. Khoản vay này đã được tắt nợ.
- (iv) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND (30/06/2014: 0 VND). Số dư 61.014.963.000 VND của khoản vay gốc tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 được ân hạn 1 năm và được hoàn trả trong 24 kỳ ba tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 2.542.290.125 VND. Kỳ hoàn trả cuối cùng vào ngày 15 tháng 05 năm 2022. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của Trung tâm thương mại Tây Ninh (35,678 tỷ), tài sản hình thành trong tương lai từ dự án (106,926 tỷ) và 100% khoản phải thu từ dự án.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

- (v) *Khoản vay này có hạn mức tối đa là 520 triệu VND (30/06/2014: 0 VND). Số dư 434 triệu VND của khoản vay gốc tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 được hoàn trả trong 9 kỳ ba tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 43 triệu VND và kỳ cuối cùng trả 47 triệu VND là vào ngày 14 tháng 11 năm 2017. Khoản vay này được đảm bảo bằng 1.000 m² quyền sử dụng đất tại xã Thạnh Tây, Tân Biên, Tây Ninh và 3 chiếc máy kéo với giá trị thế chấp lần lượt là 654 triệu và 2,874 tỷ.*
- (vi) *Khoản vay này có hạn mức tối đa là 1,69 tỷ VND (30/06/2014: 0 VND). Số dư 1,55 tỷ VND của khoản vay gốc tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 được hoàn trả trong 11 kỳ ba tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 140 triệu VND và kỳ cuối cùng trả 150 triệu VND là vào ngày 02 tháng 02 năm 2018. Khoản vay này được đảm bảo bằng 1.000 m² quyền sử dụng đất tại xã Thạnh Tây, Tân Biên, Tây Ninh và 3 chiếc máy kéo với giá trị thế chấp lần lượt là 654 triệu và 2,874 tỷ.*
- (vii) *Khoản vay này có hạn mức tối đa là 25 triệu USD (30/06/2014: 0 USD). Số dư 25 triệu USD của khoản vay gốc tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 được hoàn trả trong 20 kỳ ba tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 1,25 triệu USD. Kỳ hoàn trả cuối cùng là vào ngày 02 tháng 06 năm 2020. Khoản vay này được đảm bảo bằng 32 ha quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh và dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất đường với giá trị thế chấp lần lượt là 12.400.000 USD và 46.731.000 USD.*

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2014	1.485.000.000.000	14.732.000.010	(61.577.199.043)	97.098.444.233	87.560.743.223	217.910.622.793	1.840.724.611.216
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	46.103.108.536	46.103.108.536
Phân bổ vào quỹ	-	-	-	23.900.666.699	11.950.333.349	(54.971.533.407)	(19.120.533.359)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(71.086.537.650)	(71.086.537.650)
Số dư tại ngày 01 tháng 07 năm 2014	1.485.000.000.000	14.732.000.010	(61.577.199.043)	120.999.110.932	99.511.076.572	137.955.660.272	1.796.620.648.743
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	162.836.064.155	162.836.064.155
Phân bổ vào quỹ	-	-	-	4.610.310.854	2.305.155.427	(10.603.714.965)	(3.688.248.684)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(666.542.350)	(666.542.350)
Số dư tại ngày 31 tháng 03 năm 2015	1.485.000.000.000	14.732.000.010	(61.577.199.043)	125.609.421.786	101.816.231.999	289.521.467.112	1.955.101.921.864

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015
(tiếp theo).

Mẫu B 09a - DN

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/06/15		30/06/14	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	148.500.000	1.485.000.000.000	148.500.000	1.485.000.000.000
Cổ phiếu quỹ – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	(4.993.840)	(49.938.400.000)	(4.993.840)	(49.938.400.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	143.506.160	1.435.061.600.000	143.506.160	1.435.061.600.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	30/06/15		30/06/14	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	143.506.160	1.435.061.600.000	143.506.160	1.435.061.600.000
Số dư cuối kỳ	143.506.160	1.435.061.600.000	143.506.160	1.435.061.600.000

Biến động cổ phiếu quỹ trong kỳ như sau:

	Giai đoạn từ 01/07/2014 đến 30/06/15 VND	Giai đoạn từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Số dư đầu năm	61.577.199.043	61.577.199.043
Cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	-	-
Phát hành lại cổ phiếu quỹ trong năm	-	-
Số dư cuối kỳ	261.291.350	61.577.199.043

Từ ngày 01 tháng 07 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ.

23. Cổ tức

Vào ngày 11 tháng 6 năm 2014, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt phân phối cổ tức bằng tiền mặt tương đương 500 VND cho một cổ phiếu từ lợi nhuận năm 2014.

24. Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

(i) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(ii) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được lập nhằm tạo nguồn vốn cho các rủi ro hoạt động kinh doanh trong tương lai của Công ty.

25. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng doanh thu		
Bán đường	502,434,001,683	480,157,400,833
Bán mật đường	11,387,480,962	10,759,520,950
Bán điện	1,887,107,343	1,932,980,000
Bán phân bón	34,068,975,182	57,141,753,685
Khác	2,712,492,878	2,081,570,080
	552,490,058,048	552,073,225,548
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu	(1,088,716,914)	(571,999,304)
Giảm giá hàng bán		
Doanh thu thuần	551,401,341,134	551,501,226,244

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

26. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn đường	414.608.673.380	424.698.625.363
Giá vốn mật đường	12.698.632.819	10.646.865.804
Giá vốn điện	1.950.162.623	1.923.568.370
Giá vốn phân bón	32.033.757.618	56.210.099.283
Khác	2.340.997.173	839.262.325
	463.632.223.613	494.318.421.145

27. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng	2.147.275.211	897.278.868
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.818.182	73.451.125
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.389.667	85.886.885
Chi phí bảo hành		4.681.976
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.191.177.730	15.718.453.657
Chi phí bằng tiền khác	1.096.814.732	1.228.390.859
	21.441.475.522	18.008.143.370

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý chung	8.611.297.526	5.819.733.709
Chi phí vật liệu quản lý	19.851.939	75.979.241
Công cụ, dụng cụ đồ dùng văn phòng	349.140.477	1.148.965.591
Chi phí khấu hao TSCĐ	914.559.538	796.149.366
Thuế, phí và lệ phí	54.219.209	16.620.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.326.161.452	2.451.616.554
Chi phí bằng tiền khác	4.173.129.060	4.422.981.145
	17.448.359.201	14.732.045.606

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi từ khoản ứng trước cho nông dân trồng mía	6.541.430.055	9.957.312.321
Lãi từ khoản cho công ty liên quan vay	3.187.650.922	27.149.517.073
Thu nhập từ đầu tư chứng khoán	80.072.000	1.389.302.000
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng	111.047.008	67.048.311
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	187.274.663	117.144.957
	10.107.474.648	38.680.324.662

30. Chi phí tài chính

	Giai đoạn 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	16.691.696.593	24.991.316.819
Hoàn nhập/ trích lập dự phòng	(6.990.046.916)	5.034.047.688
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.950.761.156	253.120.216
Hoạt động đầu tư chứng khoán	10.313.668.731	-
Khác	2.178.992.865	-
	25.145.072.429	30.278.484.723

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) *Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

	Giai đoạn 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	3.354.259.029	2.463.613.461
Truy thu năm 2012 và 2013		11.033.186.285
	3.354.259.029	13.496.799.746
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(298.602.082)	2.910.714.322
Chi phí thuế thu nhập	3.055.656.947	16.407.514.068

(b) *Thuế suất áp dụng*

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế. Tuy nhiên, các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư của Công ty cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong bốn năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2004 đến năm 2007) và giảm 50% thuế thu nhập phải nộp trong bốn năm tiếp theo (từ năm 2008 đến năm 2011).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản này sẽ chịu thuế suất 22%.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong kỳ Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Tên công ty	Giai đoạn 01/04 -> 30/06	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu Tư Thành Thành Công		
Bán hàng hóa	12,944,765,714	18,748,529,521
Lãi ứng trước tiền hàng	161,685,938	4,417,343,416
Lãi cho vay		3,290,444,444
Nhận cung cấp dịch vụ	6,814,575,604	255,995,774
Mua hàng hóa	58,396,211,667	41,272,763,199
Chi cổ tức		17,623,800,000
Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Thuận Thiên		
Lãi ứng trước tiền hàng	1,094,390,004	
Lãi cho vay		1,944,155,795
Chi cổ tức		17,527,835,000
Mua hàng hóa	28,051,092,849	53,167,307,333
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công		
Bán hàng hóa	20,666,667	492,214,286
Lãi ứng trước tiền hàng	576,593,883	6,093,077
Cung cấp dịch vụ	65,454,545	65,454,545
Mua đường hàng hoá	3,586,350,952	156,962,504,573
Cho vay	70,000,000,000	
Nhận cung cấp dịch vụ	1,680,253,000	
Công ty Cổ phần Khu Công Nghiệp Thành Thành Công		
Lãi cho vay		5,413,989,507
Cho vay		60,000,000,000
Lãi trả trước quyền sử dụng đất		8,405,513,066

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Tên công ty	Giai đoạn 01/04 -> 30/06	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa		
Bán hàng hóa	1,121,052,878	
Gia công	6,293,757,000	440,371,300
Phí bảo quản kho		48,848,266
Mua hàng hóa	44,292,223	
Khác	136,734,057	36,500,000
Công ty Cổ phần Nghiên Cứu và Ứng Dụng Mía Đường Thành Thành Công		
Nhận cung cấp dịch vụ	4,600,000	
Cho thuê đất	240,000,000	240,000,000
Chi đầu tư		3,423,000
Khác		43,515,000
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong		
Bán hom giống	6,688,500	
Cổ tức		1,389,302,000
Cty CP Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai		
Cung cấp dịch vụ		192,934,551
Mua cổ phiếu		25,200,000,000

33. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 32.963 triệu VND (giai đoạn từ 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014: 16.722 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 143.506.160 (ngày 30 tháng 06 năm 2014: 143.506.160), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn 01/04 đến 30/06	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	32.963.895.495	16.722.041.086

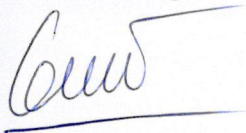
Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Giai đoạn 01/04/15 đến 30/06/15	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	143.506.160	143.506.160
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	143.506.160	143.506.160

Kế Toán Trưởng



Lê Phát Tín



Người duyệt

Tổng Giám Đốc

Nguyễn Thanh Ngữ

Ngày 12 tháng 08 năm 2015